

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2020

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng
2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên (vắng mặt)

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Diễm A, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Trương Thị Diễm A:*

Về hôn nhân: Bà A và ông K tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà A và ông K không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, bà A yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông K.

Con chung: Bà A và ông K có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 07/9/2014 (giới tính nữ) và Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/4/2016 (giới tính nam), hiện do bà A đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trương Thị Diễm A khởi kiện yêu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là ông Nguyễn Thanh K. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; ông K có nơi cư trú tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Thanh K đã được Tòa án triệu tập xét lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[4] Về hôn nhân: Bà A và ông K tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông K chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà A và ông K có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không

thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Trương Thị Diễm A và ông Nguyễn Thanh K là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà A và ông K có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 07/9/2014 (giới tính nữ) và Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/4/2016 (giới tính nam). Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy, các cháu M và cháu K từ trước đến nay do bà A nuôi dạy, các cháu có thời gian dài sống ổn định với nhau, cần duy trì sự ổn định của các con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Khương là phù hợp. Tại phiên tòa, bà A không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, do đó không xem xét. Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[6] Về tài sản chung: Bà A và ông K không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét, quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông K không có ý kiến gì đối với tài sản chung, nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà A xác định bà và ông K không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, tại xác nhận không nợ ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã TL, biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 22/6/2020 xác định ông bà không có nợ chung nên các đương sự không yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh K.
2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Diễm An đối với ông Nguyễn Thanh K.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Diễm A và ông Nguyễn Thanh K là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 07/9/2014 (giới tính nữ) và Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/4/2016 (giới tính nam) cho bà A tiếp tục nuôi dạy, bà A không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông K không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Diễm A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 07 tháng 5 năm 2020 bà A có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011162 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh